

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/ HNGĐ-ST
Ngày 05/5/2020.
V/v: không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Khen

2. Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, về việc không công nhận vợ chồng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Đặng Ngọc Trinh, sinh năm 1973. Địa chỉ: Đình Tiên Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp Tân Hưng, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Ngọc Trinh trình bày:

Bà và ông Huỳnh Ngọc Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có một người con tên Huỳnh Đặng Thúc V, sinh năm 1998. Đến năm 2002 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cự cãi, chung sống không còn hạnh phúc nên đã chia tay, bà và ông Th không còn sống chung với nhau đến nay thời gian khoảng 18 năm. Nay bà làm đơn yêu cầu xin ly hôn ông Huỳnh Ngọc Th.

Con chung có một người tên Huỳnh Đặng Thúc V, sinh năm 1998 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân đúng như bà Đặng Ngọc Tr trình bày ở trên, ông bà tự nguyện chung sống với nhau năm 1994, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau nên ông và bà Th chia tay không còn sống chung với nhau nữa. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Tr.

Con chung có một người tên Huỳnh Đặng Thúy V, sinh năm 1998 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn, bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, các đương sự thuận tình ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đặng Ngọc Tr khởi kiện xin ly hôn ông Huỳnh Ngọc Th, cư trú ấp Tân Hưng, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Ngọc Tr, xét thấy:

Bà Đặng Ngọc Tr và ông Huỳnh Ngọc Th tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được một người con. Đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên ông bà tự nguyện mỗi người ra ở riêng, không còn chung sống với nhau đến nay đã 18 năm.

Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội quy định: nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Tại phiên Tòa bà Tr và ông Th thuận tình ly hôn, nhưng do không có đăng ký kết hôn, nên không công nhận sự thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Đặng Ngọc Tr và ông Huỳnh Ngọc Th là vợ chồng.

Về con chung: có một người con tên Huỳnh Đặng Thúy V, sinh năm 1998 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Tr và ông Th khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Đặng Ngọc Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Ngọc Tr và ông Huỳnh Ngọc Th.

2.Về con chung: Huỳnh Đặng Thúy V, sinh năm 1998 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

3.Về tài sản chung và nợ chung: bà Trinh và ông Th không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: buộc bà Đặng Ngọc Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005628 ngày 05/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Bà Tr đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ánh Bình